

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTV ngày tháng năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Trung Vương)

I. Thông tin chung (tính đến 31/12/2023)

- Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Trung Vương
- Mã trường: DVP
- Trụ sở chính: Km5, Thị trấn Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.
Cơ sở Hà Nội (Văn phòng tuyển sinh và đào tạo thực hành): Tầng 12A, tòa Hồ Gươm Plaza, số 102 Trần Phú, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: <http://tv-uni.edu.vn/>
- Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):
Fanpage Trường Đại học Trung Vương:
<http://www.facebook.com/TrungVuongUniversity>
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: (0243) 662 8987
- Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý	Đại học	436	30		
Quản trị kinh doanh		220	29	14	92%
Tài chính – Ngân hàng		20	0	0	
Kế toán		96	1	81	94%
Thương mại điện tử		100	0	0	
Lĩnh vực Pháp luật	Đại học	260	97	586	
Luật kinh tế		260	97	586	93%
Lĩnh vực Sức khỏe	Đại học	545	189	363	
Điều dưỡng		545	189	363	97%
Lĩnh vực Nhân văn	Đại học	310	39	0	

Ngôn ngữ Anh		98	3	0	
Ngôn ngữ Trung Quốc		112	22	0	
Ngôn ngữ Hàn Quốc		100	14	0	
Lĩnh vực du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	Đại học	50	4	0	
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		50	4	0	
Lĩnh vực Báo chí và thông tin	Đại học	100	13	0	
Truyền thông đa phương tiện		100	13	0	
Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật	Đại học	200	10	0	
Công nghệ kỹ thuật ô tô		100	10	0	
Logistics và quản lý chuỗi cung ứng		100	0	0	
Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin	Đại học	50	5	0	
Công nghệ thông tin		50	5	0	
Tổng		1951	387		

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://tv-uni.edu.vn/>

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm 2023, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm 2023.

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của năm 2022; 2023

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của năm 2022; 2023 trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://tv-uni.edu.vn/>

8.1. Phương thức tuyển sinh của năm 2022; 2023

Stt	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh			
		Thi tuyển	Xét tuyển	Kết hợp thi tuyển và xét tuyển	Ghi chú
1	Năm 2022	x	x		
2	Năm 2023	x	x		

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

Stt	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức	Năm 2022			Năm 2023		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1.	Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý							
1.1	Quản trị kinh doanh Tổ hợp 1: A00; Tổ hợp 2: A01; Tổ hợp 3: A07; Tổ hợp 4: D01	Xét tuyển/ Thi tuyển	360	35	15	200	29	15
1.2	Tài chính- Ngân hàng Tổ hợp 1: A00; Tổ hợp 2: A01; Tổ hợp 3: A07; Tổ hợp 4: D01	Xét tuyển	20	0	15	20	0	15
1.3	Kế toán Tổ hợp 1: A00; Tổ hợp 2: A01; Tổ hợp 3: A07; Tổ hợp 4: D01.	Xét tuyển	251	20	15	86	1	15
1.4	Thương mại điện tử Tổ hợp 1: A00; Tổ hợp 2: A01; Tổ hợp 3: A07; Tổ hợp 4: D01	Xét tuyển				100	0	15
2.	Lĩnh vực Pháp luật							
2.1	Luật kinh tế Tổ hợp 1: A00; Tổ hợp 2: A01; Tổ hợp 3: D01; Tổ hợp 4: C00.	Xét tuyển/ Thi tuyển	290	132	15	200	97	15
3	Lĩnh vực Sức khỏe							
3.1	Điều dưỡng Tổ hợp 1: A00; Tổ hợp 2: A02; Tổ hợp 3: B00.	Xét tuyển/ Thi tuyển	479	534	19	450	189	19.5
4	Lĩnh vực Nhân văn							
4.1	Ngôn ngữ Anh Tổ hợp 1: D01; Tổ hợp 2: D09; Tổ hợp 3: D10; Tổ hợp 4: D14.	Xét tuyển	118	3	15	98	3	15

4.2	Ngôn ngữ Trung Quốc Tổ hợp 1: D01; Tổ hợp 2: D09; Tổ hợp 3: D10; Tổ hợp 4: C00.	Xét tuyển	157	15	15	112	22	15
4.3	Ngôn ngữ Hàn Quốc Tổ hợp 1: D01; Tổ hợp 2: D09; Tổ hợp 3: D10; Tổ hợp 4: C00.	Xét tuyển				100	14	15
5	Máy tính và công nghệ thông tin							
5.1	Công nghệ thông tin Tổ hợp 1: A00; Tổ hợp 2: A01; Tổ hợp 3: D01; Tổ hợp 4: D10.	Xét tuyển				50	5	15
6	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân							
6.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành Tổ hợp 1: A00; Tổ hợp 2: A01; Tổ hợp 3: D01; Tổ hợp 4: D10.	Xét tuyển				50	4	15
7	Công nghệ kỹ thuật							
7.1	Công nghệ kỹ thuật ô tô Tổ hợp 1: A07; Tổ hợp 2: C00; Tổ hợp 3: D01; Tổ hợp 4: D14.	Xét tuyển				100	10	15
7.2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng Tổ hợp 1: A00; Tổ hợp 2: A01; Tổ hợp 3: A07 Tổ hợp 4: D01.	Xét tuyển				100	0	15
8	Báo chí và thông tin							
8.1	Truyền thông đa phương tiện Tổ hợp 1: A00; Tổ hợp 2: A01; Tổ hợp 3: D01; Tổ hợp 4: D14.	Xét tuyển				100	13	15
	Tổng			739			387	

9 Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://tv-uni.edu.vn/>

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1.	Quản lý kinh tế	8310110	5560/QĐ-BGDĐT	23/11/2016			Bộ GD&ĐT	2017	2021
2.	Luật kinh tế	8380107	3278/QĐ-BGDĐT	02/11/2020			Bộ GD&ĐT	2021	2022
3.	Quản trị kinh doanh	7340101	4046/QĐ-BGDĐT	16/09/2010			Bộ GD&ĐT	2010	2022
4.	Tài chính – Ngân hàng	7340201	4046/QĐ-BGDĐT	16/09/2010			Bộ GD&ĐT	2010	2022
5.	Kế toán	7340301	4046/QĐ-BGDĐT	16/09/2010			Bộ GD&ĐT	2010	2022
6.	Luật kinh tế	7380107	5410/QĐ-BGDĐT	16/11/2016			Bộ GD&ĐT	2017	2022

7.	Điều dưỡng	7720301	3500/QĐ-BGDĐT	15/09/2017			Bộ GD&ĐT	2017	2022
8.	Ngôn ngữ Anh	7220201	846/QĐ-BGDĐT	25/03/2022			Bộ GD&ĐT	2022	2022
9.	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	847/QĐ-BGDĐT	25/03/2022			Bộ GD&ĐT	2022	2022
10.	Thương mại điện tử	7340122	2704/QĐ-BGDĐT	21/09/2022			Bộ GD&ĐT	2022	
11.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	128/QĐ-ĐHTV	16/03/2023			Trường ĐHTV	2023	2023
12.	Truyền thông đa phương tiện	7320104	226/QĐ-ĐHTV	29/05/2023			Trường ĐHTV	2023	2023
13.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	210/QĐ-ĐHTV	15/05/2023			Trường ĐHTV	2023	2023
14.	Công nghệ thông tin	7480201	452/QĐ-ĐHTV	24/06/2023			Trường ĐHTV	2023	2023
15.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	447/QĐ-ĐHTV	19/06/2023			Trường ĐHTV	2023	2023
16.	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	446/QĐ-ĐHTV	19/06/2023			Trường ĐHTV	2023	2023

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng (Phụ lục 1)

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của Trường: <http://tv-uni.edu.vn/>

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường: <http://tv-uni.edu.vn/>; <https://tuyensinh.tv-uni.edu.vn/>

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của Trường trên trang thông tin điện tử của Trường: <http://tv-uni.edu.vn/>

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường: <http://tv-uni.edu.vn/>

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi trên trang thông tin điện tử của Trường: <http://tv-uni.edu.vn/>

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

1. Tuyển sinh chính quy đại học

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

1.1.1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức):

Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc tương đương hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

1.1.2. Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

1.1.3. Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập cần có xác nhận của các cấp chính quyền địa phương được Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh vào ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe của thí sinh.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Toàn quốc.

1.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển với 3 phương thức.

Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT Quốc gia năm 2024;

Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ) với 2 hình thức, chi tiết trong mục tổ chức tuyển sinh.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (đự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
1	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	301	Xét tuyển thẳng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;	20								
	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	100	Xét tuyển theo Kết quả thi THPT quốc gia	30	A00	TO	A01	TO	A07	TO	D01	VA
2	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	200	Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ)	150	A00	TO	A01	TO	A07	TO	D01	VA
	Đại học	7340201	Tài chính – Ngân hàng	301	Xét tuyển thẳng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;	10								
3	Đại học	7340201	Tài chính – Ngân hàng	100	Xét tuyển theo Kết quả thi THPT quốc gia	10	A00	TO	A01	TO	A07	TO	D01	VA
4	Đại học	7340201	Tài chính – Ngân hàng	200	Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ)	10	A00	TO	A01	TO	A07	TO	D01	VA

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
9	Đại học	7720301	Điều dưỡng	100	Xét tuyển theo Kết quả thi THPT quốc gia	80	A00	TO	A02	Si	B00	Si		
10	Đại học	7720301	Điều dưỡng	200	Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ)	200	A00	TO	A02	Si	B00	Si		
	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh	301	Xét tuyển thẳng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;	5								
11	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	Xét tuyển theo Kết quả thi THPT quốc gia	35	D01	N1	D09	N1	D10	N1	D14	N1
12	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh	200	Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ)	60	D01	N1	D09	N1	D10	N1	D14	N1
	Đại học	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	301	Xét tuyển thẳng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;	5								
13	Đại học	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	100	Xét tuyển theo Kết quả thi THPT quốc gia	35	D01	N1	D09	N1	D10	N1	C00	VA

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
14	Đại học	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	200	Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ)	60	D01	N1	D09	N1	D10	N1	C00	VA
	Đại học	7340122	Thương mại điện tử	301	Xét tuyển thẳng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;	10								
15	Đại học	7340122	Thương mại điện tử	100	Xét tuyển theo Kết quả thi THPT quốc gia	40	A00	TO	A01	TO	D01	VA	C00	VA
16	Đại học	7340122	Thương mại điện tử	200	Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ)	50	A00	TO	A01	TO	D01	VA	C00	VA
	Đại học	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	301	Xét tuyển thẳng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;	10								
	Đại học	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	100	Xét tuyển theo Kết quả thi THPT quốc gia	40	C00	VA	D01	N1	D09	N1	DD2	N2
	Đại học	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	200	Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ)	50	C00	VA	D01	N1	D09	N1	DD2	N2

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
	Đại học	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	100	Xét tuyển theo Kết quả thi THPT quốc gia	40	A00	TO	A01	TO	A07	TO	D01	TO
	Đại học	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	200	Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ)	50	A00	TO	A01	TO	A07	TO	D01	TO

1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:

- Đối với phương thức xét tuyển sử dụng kết quả của kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT): Thí sinh có tổng điểm 03 môn thi của tổ hợp môn xét tuyển lớn hơn hoặc bằng điểm sàn của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, không có môn thi nào dưới 2,5 điểm (trừ ngành Điều dưỡng).

- Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT (học bạ): Thí sinh đủ có tổng điểm trung bình 03 môn trong tổ hợp xét tuyển theo 3 hình thức từ 15 điểm trở lên trong đó không có môn nào có điểm trung bình dưới 2,5 điểm (trừ ngành Điều dưỡng).

- Riêng với ngành Điều dưỡng áp dụng theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đối với nhóm ngành Sức khỏe do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường:

- Mã trường: DVP

- Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển đối với từng ngành đào tạo:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTXT	Tổ hợp xét tuyển
1	7340101	Quản trị kinh doanh	100; 200	A00 (Toán-Lý-Hóa); A01 (Toán-Lý-Anh); A07 (Toán-Sử-Địa); D01 (Toán-Văn-Anh)
2	7340201	Tài chính ngân hàng	100; 200	A00 (Toán-Lý-Hóa); A01 (Toán-Lý-Anh); A07 (Toán-Sử-Địa); D01 (Toán-Văn-Anh)
3	7340301	Kế toán	100; 200	A00 (Toán-Lý-Hóa); A01 (Toán-Lý-Anh); A07 (Toán-Sử-Địa); D01 (Toán-Văn-Anh)
4	7380107	Luật kinh tế	100; 200	A00 (Toán-Lý-Hóa); A01 (Toán-Lý-Anh); D01 (Toán-Văn-Anh); C00 (Văn-Sử-Địa)
5	7720301	Điều dưỡng	100; 200	A00 (Toán-Lý-Hóa); A02 (Toán-Lý-Sinh); B00 (Toán-Hóa-Sinh)
			403	B00 (Toán-Hóa-Sinh)
6	7220201	Ngôn ngữ Anh	100; 200	D01 (Toán-Văn-Anh); D09 (Toán-Sử-Anh); D10 (Toán-Địa-Anh); C00 (Văn-Sử-Địa)
7	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	100; 200	D01 (Toán-Văn-Anh); D09 (Toán-Sử-Anh); D10 (Toán-Địa-Anh); C00 (Văn-Sử-Địa)
8	7340122	Thương mại điện tử	100; 200	A00 (Toán-Lý-Hóa); A01 (Toán-Lý-Anh); A07 (Toán-Sử-Địa); D01 (Toán-Văn-Anh)
9	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	100; 200	C00 (Văn, Sử, Địa); D01 (Toán, Văn, Anh); D09 (Toán, Sử, Anh); DD2 (Văn, Toán, Tiếng Hàn);
10	7480201	Công nghệ thông tin	100; 200	A00 (Toán-Lý-Hóa); A01 (Toán-Lý-Anh); D01 (Toán-Văn-Anh); D10 (Toán-Địa-Anh);
11	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100; 200	A00 (Toán-Lý-Hóa); A01 (Toán-Lý-Anh); D01 (Toán-Văn-Anh); D10 (Toán-Địa-Anh);
12	7320104	Truyền thông đa phương	100; 200	A00 (Toán-Lý-Hóa); C00 (Văn-Sử-Địa); D01 (Toán-Văn-Anh); D14 (Văn-Sử-Anh).

		tiện		
13	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	100; 200	A07 (Toán-Sử-Địa); C00 (Văn-Sử-Địa); D01 (Toán-Văn-Anh); D14 (Văn-Sử-Anh).
14	8510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	100; 200	A00 (Toán-Lý-Hóa); A01 (Toán-Lý-Anh); A07 (Toán-Sử-Địa); D01 (Toán-Văn-Anh).

- Quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

Trường xét tuyển theo từng ngành; không có sự chênh lệch điểm giữa các tổ hợp xét tuyển; không có các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

1.7. Tổ chức tuyển sinh:

1.7.1. Thời gian:

- Xét tuyển sớm: Xét tuyển sớm đối với các đối tượng xét tuyển thẳng và đối tượng thí sinh tốt nghiệp trước năm 2024: Nhận hồ sơ từ 30/3/2024.

- Đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2024:

+ Xét tuyển đợt 1: Nhận hồ sơ theo lịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Xét tuyển đợt 2: Sau khi kết thúc đợt nhận hồ sơ xét tuyển đợt 1.

Lưu ý: Thí sinh có thể nộp trước hồ sơ đăng ký và xét tuyển sớm theo phương thức xét tuyển kết quả học tập THPT (học bạ) với 02 hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại Trường.

1.7.2. Hình thức nhận hồ sơ dự tuyển:

- Đăng ký và nộp hồ sơ trực tuyến (Online):

+ Thí sinh vào website của trường: <https://tv-uni.edu.vn/hoan-thien-ho-so/> hoặc <https://tv-uni.edu.vn/dang-ky-online/> để đăng ký xét tuyển trực tuyến (Online).

+ Thí sinh vào fanpage tuyển sinh của trường: <https://www.facebook.com/TrungVuongUniversity> để tương tác và đăng ký xét tuyển với cán bộ tuyển sinh thuộc Nhà trường.

- Đăng ký và nộp trực tiếp hoặc chuyển phát qua bưu điện theo 02 địa chỉ:

+ Trụ sở chính: Phòng Tuyển sinh và Truyền thông - Trường Đại học Trung Vương, Km5, Thị trấn Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Văn phòng đại diện & Cơ sở thực hành tại Hà Nội: Phòng Tuyển sinh và Truyền thông - Tầng 12A, tòa Hồ Gươm Plaza, số 102 Trần Phú, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm:

+ 01 Đơn đăng ký học (theo mẫu) - tại website Trường Đại học Trung Vương: <http://tv-uni.edu.vn/>;

+ 01 Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2024) hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2024);

+ 01 Bản sao công chứng Học bạ THPT hoặc Chứng nhận tương đương;

- 01 Bản chính giấy chứng nhận kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT (Đối với thí sinh đăng ký tham dự thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2024);

+ 01 Sơ yếu lý lịch (có xác nhận của chính quyền địa phương);

+ 4 Ảnh 3x4;

+ 01 Bản sao công chứng Chứng minh thư nhân dân/CCCD;

+ 01 Giấy chứng nhận ưu tiên, giấy tờ liên quan khác (nếu có).

1.7.3. Điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển

- Điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển: Thí sinh đáp ứng đủ quy định về đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

1.7.4. Các điều kiện xét tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo

a) Đối với phương thức xét tuyển thẳng áp dụng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Đối với phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT Quốc gia năm 2024: Thí sinh đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

c) Đối với phương thức xét kết quả học tập THPT (học bạ): Thí sinh đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào sẽ đủ điều kiện xét tuyển theo một trong 2 hình thức sau:

+ **Hình thức 1:** Xét tuyển theo tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển (gọi là \mathcal{D}_{XT1}) tương ứng với ngành do thí sinh đăng ký dựa trên điểm trung bình môn học trong năm học lớp 12, \mathcal{D}_{XT1} được xác định như sau:

$$\mathcal{D}_{XT1} = MH1 + MH2 + MH3$$

Trong đó: MH1, MH2, MH3 là điểm tổng kết cả năm lớp 12 của từng môn học trong tổ hợp xét tuyển.

+ **Hình thức 2:** Xét tuyển theo tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển (gọi là \mathcal{D}_{XT2}) tương ứng với ngành do thí sinh đăng ký dựa trên điểm trung bình môn học trong 3 học kỳ (*các học kỳ lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12*). Điểm trung bình từng môn (gọi là \mathcal{D}_{tbi}) để tính điểm xét tuyển được tính bằng trung bình cộng của điểm trung bình môn trong 3 học kỳ (*làm tròn một chữ số thập phân*), công thức tính \mathcal{D}_{tbi} như sau:

$$\mathcal{D}_{tbi} = \frac{\mathcal{D}_{MiHK1L11} + \mathcal{D}_{MiHK2L11} + \mathcal{D}_{MiHK1L12}}{3}$$

$$\mathcal{D}_{XT2} = \mathcal{D}_{tbi1} + \mathcal{D}_{tbi2} + \mathcal{D}_{tbi3}$$

Trong đó:

\bar{D}_{tbi} : Là điểm trung bình của từng môn học (i) trong tổ hợp xét tuyển (i=1 là môn số 1; i=2 là môn số 2; i=3 là môn số 3).

$\bar{D}_{MiHK1L11}$: Là điểm cuối học kỳ 1 lớp 11 của môn học (i) trong tổ hợp xét tuyển, tương ứng ta có các điểm cuối kỳ của học kỳ khác $\bar{D}_{MiHK2L11}$; $\bar{D}_{MiHK1L12}$

\bar{D}_{XT1} ; \bar{D}_{XT2} không thấp hơn 15 điểm; riêng ngành Điều dưỡng không thấp hơn 19,5 điểm, trong đó MH1, MH2, MH3, \bar{D}_{tbi} không thấp hơn 2.5 điểm.

➤ Thí sinh được đăng ký tham gia xét tuyển sớm (chưa thi tốt nghiệp THPT Quốc gia) đối với phương thức tuyển sinh xét học bạ THPT.

➤ Danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển sớm (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức: <http://tv-uni.edu.vn/>

➤ Thí sinh đã dự tuyển vào cơ sở đào tạo theo kế hoạch xét tuyển sớm sau đó phải tiếp tục đăng ký nguyện vọng trên hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT.

d) Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi văn hóa do Trường Đại học Trung Vương tổ chức: Thực hiện theo Đề án thi tuyển sinh riêng của Trường.

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

- Theo phương thức sử dụng kết quả thi THPT quốc gia: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Theo phương thức xét tuyển kết quả học tập THPT (học bạ): Miễn.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy/1 năm học:

- Các ngành học: 20.000.000vnđ/1 năm học;

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

- Đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2024: Nhận hồ sơ từ **15/3/2024**

- Đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2024:

+ Đợt 1: Nhận hồ sơ theo lịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Đợt 2: Sau khi kết thúc đợt nhận hồ sơ xét tuyển đợt 1.

Lưu ý: Thí sinh có thể nộp trước hồ sơ đăng ký và xét tuyển sớm theo phương thức xét tuyển kết quả học tập THPT (học bạ) với 02 hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại Trường.

1.12. Thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro: Cam kết thực hiện không trái với quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường.

1.13. Thông tin doanh nghiệp hợp tác đào tạo:

- Hợp tác doanh nghiệp:

- + Tập đoàn Hồ Gươm, số 102 Trần Phú, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- + Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ HVC.
- + Công ty cổ phần công nghệ và truyền thông Nemo
- + Công ty TNHH Quốc tế IBC.
- + Công ty cổ phần đầu tư và cung ứng nhân lực quốc tế Thanh Tâm.
- + Trung tâm UNESCO phát triển văn hóa và thể thao
- + Công ty TNHH Du lịch người thám hiểm Việt Nam
- + Công ty cổ phần thương mại tổ chức sự kiện Đông Á
- Bệnh viện hợp tác ngành Điều dưỡng:

+ Bệnh viện Quân y 7B, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

+ Bệnh viện 74 Trưng Vương, phường Hùng Vương, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Bệnh viện Lê Văn Việt: 387 đường Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

1.14. Tài chính:

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: **14.874.807.672 VNĐ.**

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: **4.445.000 VNĐ.**

2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên:

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

2.1.1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), phải có đồng thời các yêu cầu:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc tương đương hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển.

2.1.2. Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

d) Có một trong các văn bằng dưới đây:

- Bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng do các cơ sở đào tạo trong nước cấp;
- Bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.1.3. Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập cần có xác nhận của các cấp chính quyền địa phương được Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh vào ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe của thí sinh.

2.2. Phạm vi tuyển sinh: Toàn quốc.

2.3. Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển do trường tổ chức.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản quy định	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
1.	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	403	Thi tuyển do Trường ĐHTV tổ chức	40	4046/QĐ-BGDĐT	16/09/2010	BGDĐT	2010
2.	Đại học	7340301	Kế toán	403		14	4046/QĐ-BGDĐT	16/09/2010	BGDĐT	2010
3.	Đại học	7380107	Luật kinh tế	403		40	5410/QĐ-BGDĐT	16/11/2016	BGDĐT	2017
4.	Đại học	7720301	Điều dưỡng	403		60	3500/QĐ-BGDĐT	15/09/2017	BGDĐT	2017

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:

- Có tổng điểm 03 môn thi đạt từ 15 điểm trở lên trong đó không có môn nào có điểm dưới 5 điểm theo thang điểm 10.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

- Thí sinh nộp hồ sơ đúng quy định và nộp lệ phí đầy đủ. Thực hiện theo Đề án thi tuyển sinh riêng của Trường.

- Tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn thi/bài thi
1	7340101	Quản trị kinh doanh	Môn cơ bản – Môn cơ sở ngành – Môn chuyên ngành
2	7340301	Kế toán	Môn cơ bản – Môn cơ sở ngành – Môn chuyên ngành
3	7380107	Luật kinh tế	Môn cơ bản – Môn cơ sở ngành – Môn chuyên ngành
4	7720301	Điều dưỡng	Môn cơ bản – Môn cơ sở ngành – Môn chuyên ngành

2.7. Tổ chức tuyển sinh:

2.7.1. Thời gian: Dự kiến tuyển sinh 2 đợt vào tháng 6 và tháng 12/2024.

2.7.2. Hình thức nhận hồ sơ dự tuyển:

- Đăng ký và nộp hồ sơ trực tuyến (Online):

+ Thí sinh vào website của trường: <https://tv-uni.edu.vn/hoan-thien-ho-so/> hoặc <https://tv-uni.edu.vn/dang-ky-online/> để đăng ký xét tuyển trực tuyến (Online).

+ Thí sinh vào fanpage tuyển sinh của trường: <https://www.facebook.com/TrungVuongUniversity> để tương tác và đăng ký xét tuyển với cán bộ tuyển sinh thuộc Nhà trường.

- Đăng ký và nộp trực tiếp hoặc chuyển phát qua bưu điện theo 02 địa chỉ:

+ Trụ sở chính: Phòng Tuyển sinh và Truyền thông - Trường Đại học Trung Vương, Km5, Thị trấn Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Văn phòng đại diện & Cơ sở thực hành tại Hà Nội: Phòng Tuyển sinh và Truyền thông - Tầng 12A, tòa Hồ Gươm Plaza, số 102 Trần Phú, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm:

+ 01 Đơn đăng ký học (theo mẫu) - tại website Trường Đại học Trung Vương: <http://tv-uni.edu.vn/>;

+ 01 Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

+ 01 Bản sao công chứng Học bạ THPT hoặc Chứng nhận tương đương;

+ 01 Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm hoặc Phụ lục văn bằng trình độ cao đẳng.

+ 01 Sơ yếu lý lịch (có xác nhận của chính quyền địa phương);

+ 4 Ảnh 3x4;

+ 01 Bản sao công chứng Chứng minh thư nhân dân/CCCD;

+ 01 Giấy chứng nhận ưu tiên, giấy tờ liên quan khác (nếu có).

2.7.3. Điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển

- Điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển: Thí sinh đáp ứng được quy định về đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

2.7.4. Các điều kiện thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo

- Thí sinh nộp hồ sơ đúng quy định và nộp lệ phí đầy đủ. Thực hiện theo Đề án thi tuyển sinh riêng của Trường.

- Tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn thi/bài thi
1	7340101	Quản trị kinh doanh	Môn cơ bản – Môn cơ sở ngành – Môn chuyên ngành
2	7340301	Kế toán	Môn cơ bản – Môn cơ sở ngành – Môn chuyên ngành
3	7380107	Luật kinh tế	Môn cơ bản – Môn cơ sở ngành – Môn chuyên ngành
4	7720301	Điều dưỡng	Môn cơ bản – Môn cơ sở ngành – Môn chuyên ngành

2.8 Chính sách ưu tiên:

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.9. Lệ phí thi tuyển: Theo phương thức thi tuyển văn hóa do Trường Đại học Trung Vương tổ chức: 1.200.000 VNĐ

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên:

Ngành Quản trị kinh doanh; Kế toán; Luật kinh tế: 625.000 VNĐ/tín chỉ.

Ngành Điều dưỡng: 667.000VNĐ/tín chỉ.

2.11 Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

- Thời gian: Dự kiến tuyển sinh 2 đợt vào tháng 6 và tháng 12/2024.

2.12 Thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro: Cam kết thực hiện không trái với quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường.

III. Tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm:

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://tv-uni.edu.vn/>

1. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp THPT

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

1.1.1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức):

Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc tương đương hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

1.1.2. Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

1.1.3. Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập cần có xác nhận của các cấp chính quyền địa phương được Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh vào ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe của thí sinh.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Toàn quốc.

1.3. Phương thức tuyển sinh:

Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ), chi tiết trong mục tổ chức tuyển sinh.

Phương thức 2: Thi tuyển văn hóa do trường tổ chức.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
1.	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	200	Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ)	60	4046/QĐ-BGDĐT	16/09/2010	BGDĐT	2010
2.	Đại học	7340301	Kế toán	200	Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ)	21	4046/QĐ-BGDĐT	16/09/2010	BGDĐT	2010
3.	Đại học	7380107	Luật kinh tế	200	Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ)	60	5410/QĐ-BGDĐT	16/11/2016	BGDĐT	2017
4.	Đại học	7720301	Điều dưỡng	200	Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ)	30	3500/QĐ-BGDĐT	15/09/2017	BGDĐT	2017
5.	Đại học	7720301	Điều dưỡng	403	Thi văn hóa do Trường ĐHTV tổ chức để xét tuyển	60	3500/QĐ-BGDĐT	15/09/2017	BGDĐT	2017
6.	Đại học	7340201	Tài chính – Ngân hàng	200	Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ)	9	4046/QĐ-BGDĐT	16/09/2010	BGDĐT	2010
7.	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh	200	Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ)	30	846/QĐ-BGDĐT	25/03/2022	BGDĐT	2022
8.	Đại học	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	200	Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ)	30	847/QĐ-BGDĐT	25/03/2022	BGDĐT	2022
9.	Đại học	7340122	Thương mại điện tử	200	Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ)	30	2704/QĐ-BGDĐT	21/09/2022	BGDĐT	2022
10.	Đại học	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	200	Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ)	30	128/QĐ-ĐHTV	16/03/2023	ĐHTV	
11.	Đại học	7320104	Truyền thông đa	200	Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ)	30	226/QĐ-ĐHTV	29/05/2023	ĐHTV	

			phương tiện							
12.	Đại học	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	200	Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ)	30	210/QĐ-ĐHTV	15/05/2023	ĐHTV	
13.	Đại học	7480201	Công nghệ thông tin	200	Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ)	30	452/QĐ-ĐHTV	24/06/2023	ĐHTV	
14.	Đại học	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	200	Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ)	30	447/QĐ-ĐHTV	19/06/2023	ĐHTV	
15.	Đại học	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	200	Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ)	30	446/QĐ-ĐHTV	19/06/2023	ĐHTV	

1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:

- Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả học tập (học bạ) THPT: Thí sinh có tổng điểm trung bình cả năm 03 môn trong tổ hợp xét tuyển của lớp 12 đạt từ 15 điểm trở lên trong đó không có môn nào có điểm trung bình dưới 5.0 điểm (trừ ngành Điều dưỡng)..

- Riêng với ngành Điều dưỡng áp dụng theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đối với nhóm ngành Sức khỏe do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

1.7. Tổ chức tuyển sinh:

1.7.1. Thời gian: Dự kiến tuyển sinh 2 đợt vào tháng 6 và tháng 12/2023.

1.7.2. Hình thức nhận hồ sơ dự tuyển:

- Đăng ký và nộp hồ sơ trực tuyến (Online):

+ Thí sinh vào website của trường: <https://tv-uni.edu.vn/hoan-thien-ho-so/> hoặc <https://tv-uni.edu.vn/dang-ky-online/> để đăng ký xét tuyển trực tuyến (Online).

+ Thí sinh vào fanpage tuyển sinh của trường: <https://www.facebook.com/TrungVuongUniversity> để tương tác và đăng ký xét tuyển với cán bộ tuyển sinh thuộc Nhà trường.

- Đăng ký và nộp trực tiếp hoặc chuyển phát qua bưu điện theo 02 địa chỉ:

+ Trụ sở chính: Phòng Tuyển sinh và Truyền thông - Trường Đại học Trung Vương, Km5, xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Văn phòng đại diện & Cơ sở thực hành tại Hà Nội: Phòng Tuyển sinh và Truyền thông - Tầng 12A, tòa Hồ Gươm Plaza, số 102 Trần Phú, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm:

+ 01 Đơn đăng ký học (theo mẫu) - tại website Trường Đại học Trung Vương: <http://tv-uni.edu.vn/>;

+ 01 Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2023) hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2023);

+ 01 Bản sao công chứng Học bạ THPT hoặc Chứng nhận tương đương;

+ 01 Sơ yếu lý lịch (có xác nhận của chính quyền địa phương);

+ 4 Ảnh 3x4;

+ 01 Bản sao công chứng Chứng minh thư nhân dân/CCCD;

+ 01 Giấy chứng nhận ưu tiên, giấy tờ liên quan khác (nếu có).

1.7.3. Điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển

- Điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển: Thí sinh đáp ứng được quy định về đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

1.7.4. Các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo

- Thí sinh nộp hồ sơ đúng quy định và nộp lệ phí đầy đủ.

- Đối với phương thức xét kết quả học tập THPT (học bạ): Xét tuyển theo tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển (gọi là D_{XT}) tương ứng với ngành do thí sinh đăng ký dựa trên điểm trung bình môn học trong năm học lớp 12, D_{XT} được xác định như sau: $D_{XT} = MH1 + MH2 + MH3$

+ Trong đó: MH1, MH2, MH3 là điểm tổng kết cả năm lớp 12 của từng môn học trong tổ hợp xét tuyển.

+ D_{XT} không thấp hơn 15 điểm; riêng ngành Điều dưỡng không thấp hơn 19,5 điểm, trong đó MH1, MH2, MH3 không thấp hơn 5.0 điểm.

- Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi văn hóa do Trường Đại học Trung Vương tổ chức: Thực hiện theo Đề án thi tuyển sinh riêng của Trường.

- Tổ hợp xét tuyển/thi tuyển/môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	Tổ hợp thi tuyển
1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00 (Toán-Lý-Hóa); A01 (Toán-Lý-Anh); A07 (Toán-Sử-Địa); D01 (Toán-Văn-Anh)	
2	7340201	Tài chính ngân hàng	A00 (Toán-Lý-Hóa); A01 (Toán-Lý-Anh); A07 (Toán-Sử-Địa); D01 (Toán-Văn-Anh)	
3	7340301	Kế toán	A00 (Toán-Lý-Hóa); A01 (Toán-Lý-Anh); A07 (Toán-Sử-Địa); D01 (Toán-Văn-Anh)	
4	7380107	Luật kinh tế	A00 (Toán-Lý-Hóa); A01 (Toán-Lý-Anh); D01 (Toán-Văn-Anh); C00 (Văn-Sử-Địa)	
5	7720301	Điều dưỡng	A00 (Toán-Lý-Hóa); A02 (Toán-Lý-Sinh); B00 (Toán-Hóa-Sinh)	B00 (Toán-Hóa-Sinh)
6	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01 (Toán-Văn-Anh); D09 (Toán-Sử-Anh); D10 (Toán-Địa-Anh); C00 (Văn-Sử-Địa)	
7	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	D01 (Toán-Văn-Anh); D09 (Toán-Sử-Anh); D10 (Toán-Địa-Anh); C00 (Văn-Sử-Địa)	
8	7340122	Thương mại điện tử	A00 (Toán-Lý-Hóa); A01 (Toán-Lý-Anh); A07 (Toán-Sử-Địa); D01 (Toán-Văn-Anh)	
9	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	C00 (Văn-Sử-Địa); D01 (Toán-Văn-Anh); D09 (Toán-Sử-Anh); DD2 (Văn-Toán- Tiếng Hàn);	
10	7320104	Truyền thông đa phương tiện	A00 (Toán-Lý-Hóa); C00 (Văn-Sử-Địa); D01 (Toán-Văn-Anh); D14 (Văn-Sử-Anh).	
11	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00 (Toán-Lý-Hóa); A01 (Toán-Lý-Anh); D01 (Toán-Văn-Anh); D10 (Toán-Địa-Anh);	

12	7480201	Công nghệ thông tin	A00 (Toán-Lý-Hóa); A01 (Toán-Lý-Anh); D01 (Toán-Văn-Anh); D10 (Toán-Địa-Anh);	
13	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A07 (Toán-Sử-Địa); C00 (Văn-Sử-Địa); D01 (Toán-Văn-Anh); D14 (Văn-Sử-Anh).	
14	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	A00 (Toán-Lý-Hóa); A01 (Toán-Lý-Anh); A07 (Toán-Sử-Địa); D01 (Toán-Văn-Anh).	

- Quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

Trường xét tuyển theo từng ngành; không có sự chênh lệch điểm giữa các tổ hợp xét tuyển; không có các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

1.8. Chính sách ưu tiên:

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.9. Lệ phí xét tuyển:

- Theo phương thức xét Kết quả học tập THPT (học bạ): 600.000 VNĐ
- Theo phương thức thi tuyển văn hóa do Trường Đại học Trưng Vương tổ chức: 1.200.000 VNĐ

1.10. Học phí dự kiến:

- Ngành Quản trị kinh doanh, Kế toán, Luật kinh tế: **350.000VNĐ/tín chỉ.**
- Ngành Điều dưỡng: **533.000 VNĐ/tín chỉ.**
- Ngành Ngôn ngữ Anh: 430.000 VNĐ/tín chỉ.
- Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc: **480.000 VNĐ/tín chỉ.**
- Ngành Thương mại điện tử: **635.000 VNĐ/tín chỉ.**
- Ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc, Công nghệ thông tin: **621.000 VNĐ/tín chỉ.**
- Ngành Truyền thông đa phương tiện: **625.000 VNĐ/tín chỉ.**
- Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô: **588.000 VNĐ/tín chỉ**
- Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành: **606.000 VNĐ/tín chỉ.**
- Ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng: **667.000 VNĐ/tín chỉ.**

1.11. Thời gian dự kiến các đợt tuyển sinh trong năm

- Thời gian: Dự kiến tuyển sinh 2 đợt vào tháng 6 và tháng 12/2024.

1.12. Thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro: Cam kết thực hiện không trái với quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường.

2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

2.1.1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), phải có đồng thời các yêu cầu:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc tương đương hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển.

2.1.2. Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

d) Có một trong các văn bằng dưới đây:

- Bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng do các cơ sở đào tạo trong nước cấp;

- Bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

2.1.3. Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập cần có xác nhận của các cấp chính quyền địa phương được Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh vào ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe của thí sinh.

2.2. Phạm vi tuyển sinh: Toàn quốc.

2.3. Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển văn hóa do trường tổ chức.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
1.	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	403	Thi văn hóa do Trường ĐHTV tổ chức	12	4046/QĐ-BGDĐT	16/09/2010	BGDĐT	2010
2.	Đại học	7340301	Kế toán	403		4	4046/QĐ-BGDĐT	16/09/2010	BGDĐT	2010
3.	Đại học	7380107	Luật kinh tế	403		12	5410/QĐ-BGDĐT	16/11/2016	BGDĐT	2017
4.	Đại học	7720301	Điều dưỡng	403		18	3500/QĐ-BGDĐT	15/09/2017	BGDĐT	2017

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:

- Có tổng điểm 03 môn thi đạt từ 15 điểm trở lên trong đó không có môn nào có điểm dưới 5 điểm theo thang điểm 10.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường:

2.7. Tổ chức tuyển sinh:

2.7.1. Thời gian: Dự kiến tuyển sinh 2 đợt vào tháng 6 và tháng 12/2024.

2.7.2. Hình thức nhận hồ sơ dự tuyển:

- Đăng ký và nộp hồ sơ trực tuyến (Online):

+ Thí sinh vào website của trường: <https://tv-uni.edu.vn/hoan-thien-ho-so/> hoặc <https://tv-uni.edu.vn/dang-ky-online/> để đăng ký xét tuyển trực tuyến (Online).

+ Thí sinh vào fanpage tuyển sinh của trường: <https://www.facebook.com/TrungVuongUniversity> để tương tác và đăng ký xét tuyển với cán bộ tuyển sinh thuộc Nhà trường.

- Đăng ký và nộp trực tiếp hoặc chuyển phát qua bưu điện theo 02 địa chỉ:

+ Trụ sở chính: Phòng Tuyển sinh và Truyền thông - Trường Đại học Trung Vương, Km5, xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Văn phòng đại diện & Cơ sở thực hành tại Hà Nội: Phòng Tuyển sinh và Truyền thông - Tầng 12A, tòa Hồ Gươm Plaza, số 102 Trần Phú, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm:

+ 01 Đơn đăng ký học (theo mẫu) - tại website Trường Đại học Trung Vương: <http://tv-uni.edu.vn/>;

+ 01 Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

+ 01 Bản sao công chứng Học bạ THPT hoặc Chứng nhận tương đương;

+ 01 Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm hoặc Phụ lục văn bằng trình độ cao đẳng.

+ 01 Sơ yếu lý lịch (có xác nhận của chính quyền địa phương);

+ 4 Ảnh 3x4;

+ 01 Bản sao công chứng Chứng minh thư nhân dân/CCCD;

+ 01 Giấy chứng nhận ưu tiên, giấy tờ liên quan khác (nếu có).

2.7.3. Điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển

- Điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển: Thí sinh đáp ứng được quy định về đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

2.7.4. Các điều kiện thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo

- Thí sinh nộp hồ sơ đúng quy định và nộp lệ phí đầy đủ. Thực hiện theo Đề án thi tuyển sinh riêng của Trường.

- Tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn thi/bài thi
1	7340101	Quản trị kinh doanh	Môn cơ bản – Môn cơ sở ngành – Môn chuyên ngành
2	7340301	Kế toán	Môn cơ bản – Môn cơ sở ngành – Môn chuyên ngành
3	7380107	Luật kinh tế	Môn cơ bản – Môn cơ sở ngành – Môn chuyên ngành
4	7720301	Điều dưỡng	Môn cơ bản – Môn cơ sở ngành – Môn chuyên ngành

2.8 Chính sách ưu tiên:

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.9. Lệ phí thi tuyển: Theo phương thức thi tuyển văn hóa do Trường Đại học Trung Vương tổ chức: 1.200.000 VNĐ

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên:

Ngành Quản trị kinh doanh; Kế toán; Luật kinh tế: **350.000 VNĐ/tín chỉ.**

Ngành Điều dưỡng: **533.000 VNĐ/tín chỉ.**

2.11 Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

- Thời gian: Dự kiến tuyển sinh 2 đợt vào tháng 6 và tháng 12/2024.

2.12 Thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro: Cam kết thực hiện không trái với quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường.

IV. Tuyển sinh đào tạo từ xa:

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://tv-uni.edu.vn/>

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

1.1.1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức):

Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc tương đương hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

1.1.2. Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.
- d) Đối với công dân nước ngoài cần đáp ứng trình độ tiếng Việt theo quy định.

1.1.3. Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập cần có xác nhận của các cấp chính quyền địa phương được Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh vào ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe của thí sinh.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh cả trong nước và nước ngoài.

1.3. Phương thức tuyển sinh:

- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng

+ Thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định.

+ Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp đại học.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ), chi tiết trong mục tổ chức tuyển sinh.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
1.	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	200	93/QĐ-ĐHTV	21/02/2023	ĐHTV	2023
2.	Đại học	7340301	Kế toán	70	93/QĐ-ĐHTV	21/02/2023	ĐHTV	2023
3.	Đại học	7380107	Luật kinh tế	200	93/QĐ-ĐHTV	21/02/2023	ĐHTV	2023
6.	Đại học	7340201	Tài chính – Ngân hàng	30	93/QĐ-ĐHTV	21/02/2023	ĐHTV	2023

1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:

- Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả học tập (học bạ) THPT: Thí sinh có tổng điểm trung bình cả năm 03 môn trong tổ hợp xét tuyển của lớp 12 đạt từ 15 điểm trở lên trong đó không có môn nào có điểm trung bình dưới 5.0 điểm.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

1.7. Tổ chức tuyển sinh:

1.7.1. Thời gian: Dự kiến tuyển sinh 2 đợt vào tháng 6 và tháng 12/2023.

1.7.2. Hình thức nhận hồ sơ dự tuyển:

- Đăng ký và nộp hồ sơ trực tuyến (Online):

+ Thí sinh vào website của trường: <https://tv-uni.edu.vn/hoan-thien-ho-so/> hoặc <https://tv-uni.edu.vn/dang-ky-online/> để đăng ký xét tuyển trực tuyến (Online).

+ Thí sinh vào fanpage tuyển sinh của trường: <https://www.facebook.com/TrungVuongUniversity> để tương tác và đăng ký xét tuyển với cán bộ tuyển sinh thuộc Nhà trường.

- Đăng ký và nộp trực tiếp hoặc chuyển phát qua bưu điện theo 02 địa chỉ:

+ Trụ sở chính: Phòng Tuyển sinh và Truyền thông - Trường Đại học Trung Vương, Km5, Thị xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Văn phòng đại diện & Cơ sở thực hành tại Hà Nội: Phòng Tuyển sinh và Truyền thông - Tầng 12A, tòa Hồ Gươm Plaza, số 102 Trần Phú, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm:

+ 01 Đơn đăng ký học (theo mẫu) - tại website Trường Đại học Trung Vương: <http://tv-uni.edu.vn/>;

+ 01 Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2023) hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2023);

+ 01 Bản sao công chứng Học bạ THPT hoặc Chứng nhận tương đương;

+ 01 Sơ yếu lý lịch (có xác nhận của chính quyền địa phương);

+ 4 Ảnh 3x4;

+ 01 Bản sao công chứng Chứng minh thư nhân dân/CCCD;

+ 01 Giấy chứng nhận ưu tiên, giấy tờ liên quan khác (nếu có).

1.7.3. Điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển

- Điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển: Thí sinh đáp ứng được quy định về đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

1.7.4. Các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo

- Thí sinh nộp hồ sơ đúng quy định và nộp lệ phí đầy đủ.

- Đối với phương thức xét kết quả học tập THPT (học bạ): Xét tuyển theo tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển (gọi là \mathcal{D}_{XT}) tương ứng với ngành do thí sinh đăng ký dựa trên điểm trung bình môn học trong năm học lớp 12, \mathcal{D}_{XT} được xác định như sau: $\mathcal{D}_{XT} = MH1 + MH2 + MH3$

+ Trong đó: MH1, MH2, MH3 là điểm tổng kết cả năm lớp 12 của từng môn học trong tổ hợp xét tuyển.

+ \mathcal{D}_{XT} không thấp hơn 15 điểm, trong đó MH1, MH2, MH3 không thấp hơn 5.0 điểm.

- Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi văn hóa do Trường Đại học Trưng Vương tổ chức: Thực hiện theo Đề án thi tuyển sinh riêng của Trường.

- Tổ hợp xét tuyển/thi tuyển/môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển
1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00 (Toán-Lý-Hóa); A01 (Toán-Lý-Anh); A07 (Toán-Sử-Địa); D01 (Toán-Văn-Anh)
2	7340201	Tài chính ngân hàng	A00 (Toán-Lý-Hóa); A01 (Toán-Lý-Anh); A07 (Toán-Sử-Địa); D01 (Toán-Văn-Anh)
3	7340301	Kế toán	A00 (Toán-Lý-Hóa); A01 (Toán-Lý-Anh); A07 (Toán-Sử-Địa); D01 (Toán-Văn-Anh)
4	7380107	Luật kinh tế	A00 (Toán-Lý-Hóa); A01 (Toán-Lý-Anh); D01 (Toán-Văn-Anh); C00 (Văn-Sử-Địa)

- Quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

Trường xét tuyển theo từng ngành; không có sự chênh lệch điểm giữa các tổ hợp xét tuyển; không có các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

1.8. Chính sách ưu tiên:

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.9. Lệ phí xét tuyển:

- Theo phương thức xét Kết quả học tập THPT (học bạ): 600.000 VNĐ

1.10. Học phí dự kiến:

- Ngành Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính – Ngân hàng, Luật kinh tế: **350.000VNĐ/tín chỉ.**

1.11. Thời gian dự kiến các đợt tuyển sinh trong năm

- Thời gian: Dự kiến tuyển sinh 2 đợt vào tháng 6 và tháng 12/2024.

1.12. Thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro: Cam kết thực hiện không trái với quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường.

Phụ lục 1

CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2023(Người học)

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	
A	SAU ĐẠI HỌC		358
1	Tiến sĩ		
2	Thạc sĩ		358
2.1	Pháp luật		141
2.1.1	Luật kinh tế	8380107	141
2.2	Khoa học xã hội và hành vi		217
2.2.1	Quản lý kinh tế	8310110	217
B	ĐẠI HỌC		2237
3	Đại học chính quy		117
3.1	Chính quy		
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học		
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		
3.1.2.1	Kinh doanh và quản lý		16
3.1.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	14
3.1.2.1.2	Tài chính - Ngân hàng	7340201	0
3.1.2.1.3	Kế toán	7340301	2
3.1.2.1.4	Thương mại điện tử	7340122	0
3.1.2.2	Pháp luật		6
3.1.2.2.1	Luật kinh tế	7380107	6
3.1.2.3	Sức khỏe		16
3.1.2.3.1	Điều dưỡng	7720301	16

3.1.2.4	Nhân văn		47
3.1.2.4.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	5
3.1.2.4.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	28
3.1.2.4.3	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	14
3.1.2.5	Máy tính và công nghệ thông tin		5
3.1.2.5.1	Công nghệ thông tin	7480201	5
3.1.2.6	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân		4
3.1.2.6.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	4
3.1.2.7	Công nghệ kỹ thuật		10
3.1.2.7.1	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	10
3.1.7.2.2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	0
3.1.2.8	Báo chí và thông tin		13
3.1.2.8.1	Truyền thông đa phương tiện	7320104	13
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học		0
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học		0
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
4	Đại học vừa làm vừa học		2120
4.1	Vừa làm vừa học		1611
4.1.1	Kinh doanh và quản lý		130
4.1.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	55
4.1.1.2	Tài chính – Ngân hàng	7340201	0
4.1.1.3	Kế toán	7340301	74
4.1.1.4	Thương mại điện tử	7340122	0
4.1.2	Pháp luật		729
4.1.2.1	Luật kinh tế	7380107	729
4.1.3	Sức khỏe		752
4.1.3.1	Điều dưỡng	7720301	752
4.1.4	Nhân văn		0

4.1.4.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	0
4.1.4.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	0
4.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học		254
4.2.1	Kinh doanh và quản lý		46
4.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	9
4.2.1.2	Kế toán	7340301	37
4.2.2	Pháp luật		208
4.2.2.1	Luật kinh tế	7380107	208
4.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học		255
4.3.1	Kinh doanh và quản lý		37
4.3.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	9
4.3.1.2	Kế toán	7340301	28
4.3.2	Pháp luật		218
4.3.2.1	Luật kinh tế	7380107	218
4.4	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		0
4.4.1	Kinh doanh và quản lý		0
4.4.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	0
4.4.1.2	Kế toán	7340301	0
4.4.2	Pháp luật		0
4.4.2.1	Luật kinh tế	7380107	0
5	Từ xa		34
5.1	Quản trị kinh doanh		6
5.2	Kế toán		1
5.3	Tài chính – Ngân hàng		
5.4	Luật kinh tế		27
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON		
6	Cao đẳng chính quy		
6.1	Chính quy		

6.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy		
6.3	Đào tạo chính quy đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng		
7	Cao đẳng vừa làm vừa học		
7.1	Vừa làm vừa học		
7.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học		
7.3	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng		

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

- Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường : 136.820 m²

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 140

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 2.8 m²/người.

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)/phòng
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	59	3242
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	180
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	3	310
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	21	1357
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	2	75
1.5	Số phòng học đa phương tiện	1	225
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	31	1095

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)/phòng
2	Thư viện, trung tâm học liệu	2	186
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	28	2162
	Tổng	89	5590

3. Danh sách giảng viên

3.1 Danh sách giảng viên toàn thời gian tính đến 31/12/2023

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
					Tên ngành
1	Phạm Xuân Ninh		Tiến sĩ	Sinh học	Điều dưỡng
2	Trịnh Thị Khanh		Tiến sĩ	Y học	Điều dưỡng
3	Đào Quang Vinh		Tiến sĩ	Y học	Điều dưỡng
4	Vũ Thị Thu Lan		Tiến sĩ	Triết học	Điều dưỡng
5	Nguyễn Thị Thanh Mai		Tiến sĩ	Triết học	Điều dưỡng
6	Trần Quang Trung		Tiến sĩ	Y tế công cộng	Điều dưỡng
7	Lương Văn Phong		Chuyên khoa cấp I	Nhi	Điều dưỡng
8	Lương Văn Hưng		Chuyên khoa cấp I	nội	Điều dưỡng
9	Nguyễn Thị Phương Ngọc		Tiến sĩ	Dược học	Điều dưỡng
10	Hồ Thị Hiền		Tiến sĩ	Y tế công cộng và y học cộng đồng	Điều dưỡng

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
					Tên ngành
11	Đặng Quế Vinh		Tiến sĩ	Kinh tế	Kế toán
12	Hoàng Ngọc Tú		Tiến sĩ	Triết học	Kế toán
13	Nguyễn Trần Quế		Tiến sĩ	Kinh tế	Kế toán
14	Đinh Văn Khiên		Tiến sĩ	Kinh tế	Kế toán
15	Nguyễn Thị Minh Phượng		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Kế toán
16	Nguyễn Thị Hồng Phương		Thạc sĩ	Kế toán	Kế toán
17	Trần Thị Yến		Thạc sĩ	Kế toán	Kế toán
18	Đỗ Minh Tuấn		Tiến sĩ	Luật học	Luật kinh tế
19	Phạm Văn Đàm		Tiến sĩ	Luật	Luật kinh tế
20	Lý Văn Quyền		Tiến sĩ	Luật học	Luật kinh tế
21	Lê Đăng Doanh		Tiến sĩ	Luật	Luật kinh tế
22	Trần Ngọc Dũng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Luật	Luật kinh tế

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
					Tên ngành
23	Lê Thị Tần		Thạc sĩ	Triết học	Luật kinh tế
24	Nguyễn Thế Long		Thạc sĩ	Luật học	Luật kinh tế
25	Phạm Văn Lương		Thạc sĩ	Luật học	Luật kinh tế
26	Nguyễn Thị Thanh Huyền		Thạc sĩ	Luật học	Luật kinh tế
27	Đỗ Anh Vũ		Tiến sĩ	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ Anh
28	Đào Trọng Thức		Tiến sĩ	Ngữ văn	Ngôn ngữ Anh
29	Lê Hồng Phong		Tiến sĩ	Ngữ văn	Ngôn ngữ Anh
30	Phạm Huyền		Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế	Ngôn ngữ Anh
31	Ngô Quang Sơn	PGS	Tiến sĩ	Quản lý giáo dục	Ngôn ngữ Anh
32	Nguyễn Thị Hương		Thạc sĩ	TESOL	Ngôn ngữ Anh
33	Nguyễn Thị Bích		Thạc sĩ	Lý luận giảng dạy Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
34	Nguyễn Thị Thanh Thùy		Thạc sĩ	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
					Tên ngành
35	Lê Thị Thu Nga		Thạc sĩ	Lý luận và Phương pháp dạy môn Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
36	Nguyễn Việt Vĩnh		Thạc sĩ	TESOL	Ngôn ngữ Anh
37	Phan Hoàng Anh		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung Quốc
38	Trần Thị Thủy		Tiến sĩ	Đông phương học	Ngôn ngữ Trung Quốc
39	Nguyễn Thị Tuyết		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung Quốc
40	Nguyễn Ngọc Hùng		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục	Kế toán
41	Nguyễn Văn Nguyên		Thạc sĩ	Ngữ văn	Ngôn ngữ Trung Quốc
42	Nguyễn Vũ Nhật Anh		Thạc sĩ	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ Trung Quốc
43	Nguyễn Việt Anh		Tiến sĩ	Kinh tế	Quản trị kinh doanh
44	Tăng Văn Tiền		Tiến sĩ	Kinh tế	Quản trị kinh doanh
45	Nguyễn Thị Hoàn		Tiến sĩ	Triết học	Quản trị kinh doanh
46	An Như Hải	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế	Quản trị kinh doanh
47	Phan Trọng Phúc	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế	Quản trị kinh doanh

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
					Tên ngành
48	Vũ Ngọc Kha		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Quản trị kinh doanh
49	Nguyễn Thị Hạnh		Thạc sĩ	Quản trị nhân lực	Quản trị kinh doanh
50	Nguyễn Thanh Sơn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
51	Bùi Văn Hồng		Tiến sĩ	Kinh tế	Tài chính - Ngân hàng
52	Nguyễn Huy Oanh		Tiến sĩ	Kinh tế	Tài chính - Ngân hàng
53	Nguyễn Khắc Thiện		Tiến sĩ	Tài chính ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng
54	Nguyễn Thị Nga		Tiến sĩ	Quản lý đô thị và công trình	Tài chính - Ngân hàng
55	Nguyễn Duy Dũng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế	Tài chính - Ngân hàng
56	Đỗ Thị Hoa		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Tài chính - Ngân hàng
57	Đinh Thị Ngọc Quyên	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế	Thương mại điện tử
58	Nguyễn Quốc Huy		Tiến sĩ	Kinh tế	Thương mại điện tử
59	Võ Kim Hương		Tiến sĩ	Kinh tế	Thương mại điện tử

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
					Tên ngành
60	Hoàng Xuân Thắng		Tiến sĩ	Kinh tế	Thương mại điện tử
61	Lê Hồng Tiến		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Thương mại điện tử
62	Trần Minh Khương		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Thương mại điện tử
63	Đặng Thị My		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Thương mại điện tử
64	Đoàn Văn Nghiên		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Thương mại điện tử
65	Lê Hùng Cường		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin
66	Nguyễn Xuân Dũng		Tiến sĩ	Hệ thống thông tin	Công nghệ thông tin
67	Đào Thị Liên		Tiến sĩ	Toán học	Công nghệ thông tin
68	Trần Thị Thu Hà		Tiến sĩ	Vật lý quang phổ	Công nghệ thông tin
69	Trịnh Minh TRường		Thạc sĩ	Vật lý	Công nghệ thông tin
70	Nguyễn Văn Sơn		Thạc sĩ	Toán học	Công nghệ thông tin
71	Lê Trọng Nhất		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin
72	Phạm Thị Hà Hạnh		Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
73	Nguyễn Duy Ninh		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
					Tên ngành
74	Dương Quốc Cường		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí động lực	Công nghệ kỹ thuật ô tô
75	Vũ Đức Thuận		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật ô tô
76	Âu Duy Tuấn		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử	Công nghệ kỹ thuật ô tô
77	Nguyễn Đăng Hòe	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật máy công cụ	Công nghệ kỹ thuật ô tô
78	Phan Anh Vũ		Tiến sĩ	Cơ khí động lực	Công nghệ kỹ thuật ô tô
79	Phạm Ngọc Trúc		Tiến sĩ	Kỹ thuật	Công nghệ kỹ thuật ô tô
80	Nguyễn Mạnh Tiến		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật ô tô
81	Quách Trường Giang		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật ô tô
82	Dương Đức Trọng		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật ô tô
83	Ngô Đức Lượng		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật ô tô
84	Phan Tuấn Anh		Thạc sĩ	Máy và Tự động Thủy khí	Công nghệ kỹ thuật ô tô
85	Trần Thế Phiệt	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Ngữ văn (chuyên ngành báo chí)	Truyền thông đa phương tiện
86	Nguyễn Chí Bền	Giáo sư	Tiến sĩ	Lịch sử	Truyền thông đa phương tiện
87	Nguyễn Thị Hồng		Tiến sĩ	Ngữ văn	Truyền thông đa phương tiện
88	Phạm Văn Thấu		Tiến sĩ	Ngữ văn	Truyền thông đa phương tiện

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
					Tên ngành
89	Nguyễn Sĩ Đại		Tiến sĩ	Ngữ văn	Truyền thông đa phương tiện
90	Trần Thái Phan		Thạc sĩ	Quan hệ công chúng	Truyền thông đa phương tiện
91	Nguyễn Thị Hương		Thạc sĩ	Quan hệ công chúng	Truyền thông đa phương tiện
92	Nguyễn Văn Thủy		Thạc sĩ	Quan hệ công chúng	Truyền thông đa phương tiện
93	Trần Thanh Bình		Thạc sĩ	Quan hệ công chúng	Truyền thông đa phương tiện
94	Đinh Ngọc Lăng		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Truyền thông đa phương tiện
95	Trần Hoàng Anh		Thạc sĩ	Quản trị nhân lực	Truyền thông đa phương tiện
96	Nguyễn Huyền Anh		Thạc sĩ	Báo chí	Truyền thông đa phương tiện
97	Lê Thị Mai Sương		Thạc sĩ	Báo chí	Truyền thông đa phương tiện
98	Nguyễn Văn Bình		Tiến sĩ	Sử học	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
99	Nguyễn Phùng Quân		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
100	Vũ Xuân Bạch Dương		Tiến sĩ	Đông Nam Á học	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
101	Nguyễn Như Ý	Giáo sư	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
					Tên ngành
102	Nguyễn Đình Liêm		Tiến sĩ	Sử học	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
103	Lê Văn Minh		Tiến sĩ	Địa lý	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
104	Phạm Thị Ngọc Diệp		Thạc sĩ	Quản trị Du lịch & KS	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
105	Trần Đăng Dương		Thạc sĩ	Việt Nam học	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
106	Đoàn Thị Thu Hiền		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
107	Đỗ Quốc Việt Anh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
108	Trần Thị Thủy		Thạc sĩ	Việt Nam học	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
109	Lê Thị Thanh Hoài		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
110	Nguyễn Hoài Nam		Thạc sĩ	Du lịch	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
111	Lê Thị Trang		Thạc sĩ	Kinh doanh và quản lý	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
112	Lê Quốc Liêm		Tiến sĩ	Quản lý Công nghiệp	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
113	Huỳnh Thị Hòa		Tiến sĩ	Kinh doanh Quốc tế	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
114	Lương Chí Quyền		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành	
115	Dương Văn Bạo	PGS	Tiến sĩ	Kinh tế vận tải	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	
116	Đỗ Thị Kim Dung		Tiến sĩ	Kinh tế & QL thương mại	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	
117	Đỗ Việt Thanh		Thạc sĩ	Kinh tế vận tải	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	
118	Hoàng Thành		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	
119	Đỗ Thị Kim Yến		Thạc sĩ	Tổ chức QL vận tải	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	
120	Chu Thị Thảo Nguyên		Thạc sĩ	Kinh tế tài chính	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	
121	Trần Mạnh Hoàng		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh Quốc tế	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	
122	Nguyễn Anh Dũng		Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	
Tổng số giảng viên						122

2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy

Stt	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Hoàng Quốc Hồng	Trường Đại học Luật Hà Nội		Tiến sĩ	Luật		Luật kinh tế

Stt	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Cao đẳng	Tên ngành đại học
2	Nguyễn Quý Khuyến	Trường Đại học kiểm sát		Tiến sĩ	Luật		Luật kinh tế
3	Trần Thị Thu Hiền	Viện nghiên cứu chiến lược, chính sách công thương		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
4	Đào Thị Thu Trang	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
5	Trần Thị Thùy Linh	Đại học Thăng Long		Tiến sĩ	Kinh tế		Kế toán
6	Nguyễn Đắc Tuân	Trường Đại học Luật Hà Nội		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
7	Lê Tố Hoa	Trường Đại học kinh tế quốc dân		Tiến sĩ	Kinh tế		Kế toán
8	Hà Công Anh Bảo	Trường Đại học Ngoại thương		Tiến sĩ	Luật		Luật kinh tế
9	Vương Quang Lượng	Viện nghiên cứu chiến lược, chính sách công thương		Tiến sĩ	Kinh tế		Quản trị kinh doanh
Tổng số Giảng viên		09					

CÁN BỘ KÊ KHAI

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Huệ

Nguyễn Huy Oanh

